

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



Circuit breaker, ComPacT
NSX250F, 36kA/415VAC, 4 poles
3D (neutral not protected), TMD
trip unit 200A

C25F6TM200

Main

Range	ComPacT new generation
Product name	ComPacT NSX new generation
Device short name	NSX250F
product or component type	Circuit breaker
Device application	Distribution
poles description	4P
Protected poles description	3D
Neutral position	Left
[In] rated current	200 A at 40 °C
[Ue] rated operational voltage	690 V AC 50/60 Hz
Network type	AC
Network frequency	50/60 Hz
Suitability for isolation	Yes conforming to EN/IEC 60947-2
Utilisation category	Category A
[Icu] rated ultimate short-circuit breaking capacity	85 kA Icu at 220/240 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 36 kA Icu at 380/415 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 35 kA Icu at 440 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 30 kA Icu at 500 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 22 kA Icu at 525 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 8 kA Icu at 660/690 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 35 kA at 480 V AC 50/60 Hz conforming to UL 508 15 kA at 600 V AC 50/60 Hz conforming to UL 508
Performance level	F 36 kA 415 V AC
Trip unit name	TM-D
Trip unit technology	Thermal-magnetic
Trip unit protection functions	LI
Control type	Toggle
Circuit breaker mounting mode	Fixed

Complementary

[Ui] rated insulation voltage	800 V AC 50/60 Hz
[Uimp] rated impulse withstand voltage	8 kV

[Ics] rated service short-circuit breaking capacity	85 kA at 220/240 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 36 kA at 380/415 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 35 kA at 440 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 30 kA at 500 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 22 kA at 525 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2 8 kA at 660/690 V AC 50/60 Hz conforming to IEC 60947-2
Mechanical durability	20000 cycles
Electrical durability	20000 cycles at 440 V In/2 10000 cycles at 440 V In 10000 cycles at 690 V In/2 5000 cycles at 690 V In
Power dissipation per pole	15.4 W
mounting support	Backplate
Mounting position	Horizontal and vertical Flat on the back
Upside connection	Front
downside connection	Front
Connection pitch	35 mm
Protection type	L : for overload protection (thermal) I : for short-circuit protection (magnetic)
Trip unit rating	200 A at 40 °C
Long-time pick-up adjustment type Ir (thermal protection)	Adjustable
[Ir] long-time protection pick-up adjustment range	0.7...1 x In
Long-time protection delay adjustment type tr	Fixed
[tr] long-time protection delay adjustment range	120...400 s at 1.5 x In 15 s at 6 x Ir
Neutral protection settings	No protection (3D)
Instantaneous protection pick-up adjustment type Ii	Adjustable
[Ii] instantaneous protection pick-up adjustment range	5...10 x In
Earth-leakage protection	Without
Number of slots for electrical auxiliaries	5 slot(s)
Width (W)	140 mm
Height (H)	161 mm
Depth (D)	86 mm
net weight	2.8 kg

Environment

Standards	EN/IEC 60947
Product certifications	Marine EAC CCC
Overvoltage category	Class II
Electrical shock protection class	Class II
Pollution degree	3 conforming to IEC 60664-1
IP degree of protection	IP40 conforming to IEC 60529
IK degree of protection	IK07 conforming to IEC 62262

Ambient air temperature for operation	-25...70 °C
Ambient air temperature for storage	-50...85 °C
Relative humidity	0...95 %
Operating altitude	0...2000 m without derating 2000 m...5000 m with derating

Packing Units

Unit Type of Package 1	PCE
Number of Units in Package 1	1
Package 1 Height	14.0 cm
Package 1 Width	14.9 cm
Package 1 Length	19.3 cm
Package 1 Weight	2.63 kg
Unit Type of Package 2	S03
Number of Units in Package 2	3
Package 2 Height	30.0 cm
Package 2 Width	30.0 cm
Package 2 Length	40.0 cm
Package 2 Weight	8.34 kg

Bền vững

Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO₂ thấp.

Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch [RoHS/REACH](#)

Hiệu suất sức khỏe

Mercury Free

Rohs Exemption Information [Yes](#)

Pvc Free

Chứng nhận & Tiêu chuẩn

Reach Regulation [REACH Declaration](#)

Eu Rohs Directive [Compliant with Exemptions](#)

China Rohs Regulation [China RoHS declaration](#)
Product out of China RoHS scope. Substance declaration for your information

Environmental Disclosure [Product Environmental Profile](#)

Circularity Profile [End of Life Information](#)